TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *VT, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Anh Bùi Đức D**, sinh năm: 1984, địa chỉ thường trú: Thôn VĐ, thị trấn VĐ, huyện ƯH, Thành phố Hà Nội. Hiện ở: Số 53 NT, p. TXT, q. TX, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm: 1990, địa chỉ: Kp ĐB, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Đức D và chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Bùi Đức D và chị Nguyễn Thị Hồng N có 02 con chung, là các cháu: Bùi Khánh T (sinh ngày: 02/9/2016) và Bùi Khánh M (sinh ngày: 20/9/2017). Khi ly hôn, anh D và chị N cùng tự nguyện thống nhất: Giao 02 cháu T, M cho chị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Chị N đảm bảo việc trực tiếp nuôi con, cam kết chủ động tạo điều kiện để anh D và 02 con giữ liên lạc với nhau thường xuyên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận theo "Biên bản về việc tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng" (đề ngày 16/8/2023) của anh Bùi Đức D và chị Nguyễn Thị Hồng N, được các bên thống nhất thiết lập trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Hồng N được nhận: Toàn bộ quyền sử dụng đất, đối với: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 3 (TĐ), diện tích 150m^2, địa chỉ: Thôn Định An (nay là Khu phố Định An), thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Bình Định;

Giới cận của thửa đất:

+ Phía Đông giáp đất trồng cây hàng năm của ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

+ Phía Tây giáp đường Trần Quang Diệu;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 34, tờ bản đồ số 03 (TĐ);

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 32, tờ bản đồ số 03 (TĐ);

Giá trị thửa đất theo thỏa thuận của các đương sự là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

(Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 081255, số vào sổ cấp GCN số CS01867, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định cấp cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Đức D vào ngày 31/7/2018)

Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền đến cơ quan chức năng thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Đức D được nhận:

+ Phần chênh lệch giá trị tài sản chung, do chị Nguyễn Thị Hồng N thanh toán lại, với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian hẹn giao nhận tiền: Sáng ngày 18/8/2023, tại: Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định *(Anh D đã nhận đủ tiền);*

+ 01 chiếc xe mô tô, biển số đăng ký: 77N1.067.66, tên chủ xe Nguyễn Thị Hồng N, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, màu sơn: Đen đỏ, số máy: JA38E0270610, số khung: 382XGY129948, dung tích: 110 *(Có chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004063, do Công an huyện VT, tỉnh Bình Định cấp ngày 18/4/2018)*. Giá trị xe theo thỏa thuận của các đương sự là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Thời gian chị N giao xe và giấy tờ xe cho anh D: Sáng ngày 18/8/2023, tại: Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định *(Anh D đã nhận xe và giấy tờ xe);*

Ngoài ra, anh D và chị N không tranh chấp bất cứ tài sản chung nào khác.

Đối với nợ chung: Anh D và chị N tự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc: Sau khi ly hôn, chị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện VT, tỉnh Bình Định khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, với tổng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và lãi phát sinh thực tế, nhưng các bên đương sự thống nhất tự giải quyết, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị N tự nguyện chịu xong số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

2.4. Về án phí sơ thẩm:

- *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh D và chị N mỗi người tự nguyện chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước; Nhưng anh D tự nguyện nộp thay cả phần án phí của chị N, nên tổng số tiền anh D nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006578 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Bình Định. Anh D được hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

- *Án phí Dân sự sơ thẩm (Chia tài sản chung):* Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên các đương sự (anh D và chị N) không phải chịu án phí đối với việc phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Bình Định)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mai Đào